

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12 – ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2026/HNGĐ – ST
Ngày: 16/3/2026
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thận

Ông Trần Đức Hoà

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai: bà Trịnh Thị Tâm, chức vụ Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai; xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý thụ lý số 142/HNGĐ–ST, ngày 16 tháng 10 năm 2025; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2026/QĐST – HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* anh Nguyễn Khắc T, sinh năm 1975

- *Bị đơn:* chị Phạm Thị H, sinh năm 1976

Cùng trú tại: thôn H, xã B, tỉnh Đồng Nai.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

TÓM TẮT NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/7/2025 quá trình thụ lý vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Khắc T trình bày: anh Nguyễn Khắc T và chị Phạm Thị H tự nguyện chung sống từ năm 1997, tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 03 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do kinh tế khó khăn, phải đi làm thuê kiếm sống, quá vất vả nên chị H không chịu được và đã tự ý bỏ nhà đi từ năm 1997 liên tục đến nay, trong suốt thời gian qua anh T không biết chị H ở đâu, làm gì, không liên lạc được với chị H, sau khi Tòa

án đang tìm kiếm chị H, anh T cũng không nhận được thông tin gì về chị H, trong thời gian sống ly thân không có sự quan tâm, chăm sóc, hỏi thăm, trách nhiệm gì với nhau. Hiện nay anh T thấy không còn tình cảm với chị H, yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai giải quyết cho anh T được ly hôn với chị Phạm Thị H.

Về con chung: không có.

Về tài sản, nợ chung: không có.

Bị đơn chị Phạm Thị H: chị Phạm Thị H có đăng ký cư trú tại thôn A, xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước nay là thôn H, xã B, tỉnh Đồng Nai; tuy nhiên trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, chị H không có mặt tại địa phương; Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng và nhắn tin trên B, sóng truyền hình Việt Nam, cổng thông tin điện tử của Tòa án, yêu cầu chị H đến Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai để làm việc nhưng chị H không đến, không cung cấp lời khai, không giao nộp bất kỳ tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

Các tài liệu, chứng cứ: Nguyên đơn nộp tài liệu, chứng cứ như trong hồ sơ vụ án; ngoài ra không giao nộp gì thêm. Bị đơn không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 – Đồng Nai phát biểu quan điểm về vụ án: Về tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Khắc T được ly hôn với chị Phạm Thị H; về con chung, tài sản, nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của anh Nguyễn Khắc T và giấy trích lục kết hôn do anh T giao nộp hợp pháp tại Tòa án, xác định được anh Nguyễn Khắc T và chị Phạm Thị H tự nguyện kết hôn năm 1997 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Khắc T và chị Phạm Thị H là hợp pháp.

Về mâu thuẫn gia đình: Theo lời khai của anh T cho rằng giữa anh T và chị H có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do đời sống kinh tế quá khó khăn, vợ chồng phải đi làm thuê cực khổ, vất vả, chị H không chịu được nên đã tự ý bỏ nhà đi từ năm 1997 liên tục đến nay, không có sự quan tâm, chăm sóc gì nhau, anh T không biết chị H ở

đâu, không nhận được thông tin gì về chị H. Hiện nay anh T thấy không còn tình cảm với chị H nên yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai giải quyết cho anh T được ly hôn với chị Phạm Thị H. Phía chị H bỏ đi khỏi địa phương, Tòa án đã tiến hành nhắn tin trên các phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng chị H không đến Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai để làm việc, không thể hiện ý kiến, nguyện vọng của mình, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì. Căn cứ vào lời khai của người làm chứng xác định được giữa anh T và chị H có xảy ra mâu thuẫn, sống ly thân kéo dài, trong thời gian sống ly thân không có sự quan tâm, chăm sóc nhau, sống bỏ mặc nhau. Như vậy, có căn cứ xác định giữa anh T và chị H là có mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T.

[2] Về con chung: không có.

[3] Về tài sản chung: không có.

[4] Về nợ chung: không có.

[5] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 131 của bộ Luật Tố tụng dân sự đương sự phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo luật định.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Về quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 là có căn cứ, đúng theo quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, anh Nguyễn Khắc T được ly hôn với chị Phạm Thị H. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 09 ngày 20/3/1997 của Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước không có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[2] Về con chung: không có.

[3] Về tài sản chung: không có.

[4] Về nợ chung: không có.

[5] Về án phí: Nguyên đơn anh Nguyễn Khắc T nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp trước là 300.000đ, theo biên lai thu tiền số 0003819, ngày 16/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[6] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Khu vực 12;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- UBND xã, phường nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án (Tổng 10 vb).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LƯU THÙY LINH